

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/DS-ST
Ngày: 16-10-2020
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thế Lộc.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên tòa:
Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH một thành viên QK. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quang K, chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám Đốc. Địa chỉ: Số 52, đường L, khu phố N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:*

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp T, xã Y, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin vắng mặt.

- Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp T, xã Y, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Giang Thị Quý A, sinh năm 1981. Địa chỉ: số 108, đường L, khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin vắng mặt.

- Ông Võ Văn H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ 12, khu phố N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/02/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/4/2020 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Quang K trình bày: Ngày 28/5/2018, ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Nh đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK ký kết hợp đồng cầm cố tài sản số QA 443/HĐ để vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn cầm cố 06 tháng, tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu sơn trắng nâu, số máy JF51E0921052, số khung 5140GZ118248, biển số 68H1-13108 và giấy chứng nhận đăng ký xe số 009865 mang tên Nguyễn Văn D do Công an thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22/5/2018.

Ngày 25/8/2018, ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Nh tiếp tục ký hợp đồng cầm cố tài sản số VH 1019/HĐ để vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn cầm cố 03 tháng, tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn đen bạc, số máy HC12E2548078, số khung 1201AY047974, biển số 68H1-02840 và giấy chứng nhận đăng ký xe số 007980 mang tên Nguyễn Văn D do Công an thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 12/10/2017.

Ngày 30/8/2018, ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Nh tiếp tục ký hợp đồng cầm cố tài sản số QA 566/HĐ để vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn cầm cố 03 tháng, tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Piaggio, loại Liberty12, màu sơn trắng, số máy M731M4033616, số khung 3100CV033816, biển số 68H1-12699 và giấy chứng nhận đăng ký xe số 009280 mang tên Nguyễn Văn D do Công an thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 13/3/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông D, bà Nh đã thanh toán cho Công ty được tiền gốc 19.149.000 đồng và tiền lãi 1.430.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc 60.851.000 đồng và tiền lãi 4.546.000 đồng. Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Nh thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK số tiền là 65.397.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Đối với các tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, biển số 68H1-13108; 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Wave, biển số 68H1-02840; 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Piaggio, loại Liberty12, biển số 68H1-12699, Công ty đã trả lại cho ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Nh để làm phương tiện đi lại. Hiện nay, Công ty chỉ còn giữ giấy chứng nhận đăng ký xe số 009865 mang tên Nguyễn Văn D do Công an thị xã Hà Tiên cấp ngày 22/5/2018;

giấy chứng nhận đăng ký xe số 007980 mang tên Nguyễn Văn D do Công an thị xã Hà Tiên cấp ngày 12/10/2017; giấy chứng nhận đăng ký xe số 009280 mang tên Nguyễn Văn D do Công an thị xã Hà Tiên cấp ngày 13/3/2018, Công ty đồng ý trả lại cho ông D, bà Nh các giấy tờ trên.

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 13/3/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn D khai: Vào năm 2008, vợ chồng ông có đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK ký kết các hợp đồng cầm cố tài sản để vay số tiền tổng cộng là 80.000.000 đồng và có thể chấp xe gắn máy, nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, biển số 68H1-13108; xe gắn máy, nhãn hiệu Honda, loại Wave, biển số 68H1-02840; xe gắn máy, nhãn hiệu Piaggio, loại Liberty12, biển số 68H1-12699 và các giấy tờ đăng ký xe. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì vợ chồng ông có nhận lại ba chiếc xe trên để làm phương tiện đi lại và có góp cho Công ty được một khoản tiền thì không góp nữa. Nay ông thừa nhận vợ chồng còn nợ Công ty số tiền theo đơn khởi kiện và hứa khi nào ông chấp hành án xong sẽ thanh toán cho Công ty số tiền trên. Ba chiếc xe gắn máy trên sau khi được Công ty trả lại thì ông đã bán sang Campuchia.

Bị đơn bà Trần Thị Nh đã bỏ địa phương đi từ tháng 6/2019 nên Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 17/4/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giang Thị Quý A trình bày: Vào ngày 28/5/2018 và ngày 30/8/2018 ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Nh có đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK ký kết các hợp đồng cầm cố tài sản số QA 443/HĐ và QA 566/HĐ để vay số tiền 60.000.000 đồng. Ông D, bà Nh có ký kết với bà bản thỏa thuận bảo lãnh có thù lao với số tiền 537 đồng/1.000.000 đồng/ngày, từ ngày ký kết hợp đồng thì ông D, bà Nh chỉ thanh toán cho bà được 4.000.000 đồng, còn nợ 4.699.400 đồng. Nay Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK khởi kiện ông D, bà Nh về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản thì bà không yêu cầu ông D, bà Nh thanh toán số tiền 4.699.400 đồng trong cùng vụ án.

Tại bản tự khai ngày 20/4/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H trình bày: Vào ngày 25/8/2018 ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Nh có đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK ký kết các hợp đồng cầm cố tài sản số VH 1019/HĐ để vay số tiền 20.000.000 đồng. Ông D, bà Nh có ký kết với ông bản thỏa thuận bảo lãnh có thù lao với số tiền 537 đồng/1.000.000 đồng/ngày, từ ngày ký kết hợp đồng thì ông D, bà Nh chỉ thanh toán cho ông được 570.000 đồng, còn nợ 397.000 đồng. Nay Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK khởi kiện ông D, bà Nh về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản thì ông không yêu cầu ông D, bà Nh thanh toán số tiền 397.000 đồng trong cùng vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và quá trình tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, vào các ngày 28/5/2018, ngày 25/8/2018 và ngày 30/8/2018 ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Nh có đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK ký kết các hợp đồng cầm cố tài sản để vay số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 1,66%/tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông D, bà Nh thanh toán cho Công ty tiền gốc 19.149.000 đồng và tiền lãi 1.430.000 đồng và còn nợ tiền gốc tiền gốc 60.851.000 đồng và tiền lãi 4.546.000 đồng, tổng cộng là 65.397.000 đồng, tại biên bản ghi lời khai ngày 13/3/2020 ông D thừa nhận nợ. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 65.397.000 đồng, ghi nhận ý kiến của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi và ghi nhận ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu xem xét, giải quyết khoản nợ trong cùng vụ án. Đối với hợp đồng cầm cố tài sản nguyên đơn đã giao trả tài sản cho bị đơn và tại phiên tòa, nguyên đơn cũng đồng ý trả lại cho bị đơn các giấy tờ xe nên đề nghị HĐXX ghi nhận. Về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 309 Bộ luật dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản. Trong vụ án này bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Nh cư trú tại ấp T, xã Y, thành phố T, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị Nh đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H, bà Giang Thị Quý A có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Vào các ngày 28/5/2018, ngày 25/8/2018 và ngày 30/8/2018 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK và ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Nh có ký kết hợp đồng cầm cố tài sản để vay số tiền 80.000.000 đồng, ông D bà Nh đã thanh toán cho Công ty 20.579.000 đồng, còn nợ 65.397.000 đồng thì không thanh toán nữa nên phát sinh tranh chấp.

[4] Xét hợp đồng cầm cố tài sản ngày 28/5/2018, ngày 25/8/2018 và ngày 30/8/2018 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK và ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Nh là sự tự nguyện thỏa thuận và phù hợp với quy định tại Điều 309 Bộ luật dân sự và lãi suất các bên thỏa thuận là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty đã giao đủ số tiền vay nhưng khi ông D, bà Nh nhận đủ tiền thì không thanh toán nợ cho Công ty. Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/3/2020 (BL 49, 50) ông D thừa nhận nợ và xin khi nào chấp hành án xong thì thanh toán số tiền trên cho Công ty nên cần buộc ông D, bà Nh thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK số tiền là 65.397.000 đồng, trong đó tiền gốc 60.851.000 đồng và tiền lãi 4.546.000 đồng, ghi nhận ý kiến của Công ty không yêu cầu tính lãi và ghi nhận ý kiến của Công ty trả lại cho ông D, bà Nh các giấy tờ xe. Tại các bản tự khai của ông H, bà Quí A (BL 59, 64) ông bà khai không yêu cầu ông D, bà Nh trả nợ bảo lãnh trong cùng vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 309, Điều 311, Điều 313, Điều 315, Điều 316, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Nh thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK số tiền 65.397.000đ (Sáu mươi lăm triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng), trong đó tiền gốc 60.851.000 đồng và tiền lãi 4.546.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Ghi nhận ý kiến của Công ty không yêu cầu tính lãi.

3. Ghi nhận ý kiến của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK trả lại cho ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Nh giấy chứng nhận đăng ký xe số 009865 mang tên Nguyễn Văn D do Công an thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22/5/2018; giấy chứng nhận đăng ký xe số 007980 mang tên Nguyễn Văn D do Công an thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 12/10/2017 và giấy chứng nhận đăng ký xe số 009280 mang tên Nguyễn Văn D do Công an thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 13/3/2018.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.269.850đ (Ba triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm năm mươi đồng).

Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên QK số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.495.000đ (Một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003611 ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mạc Văn Hên